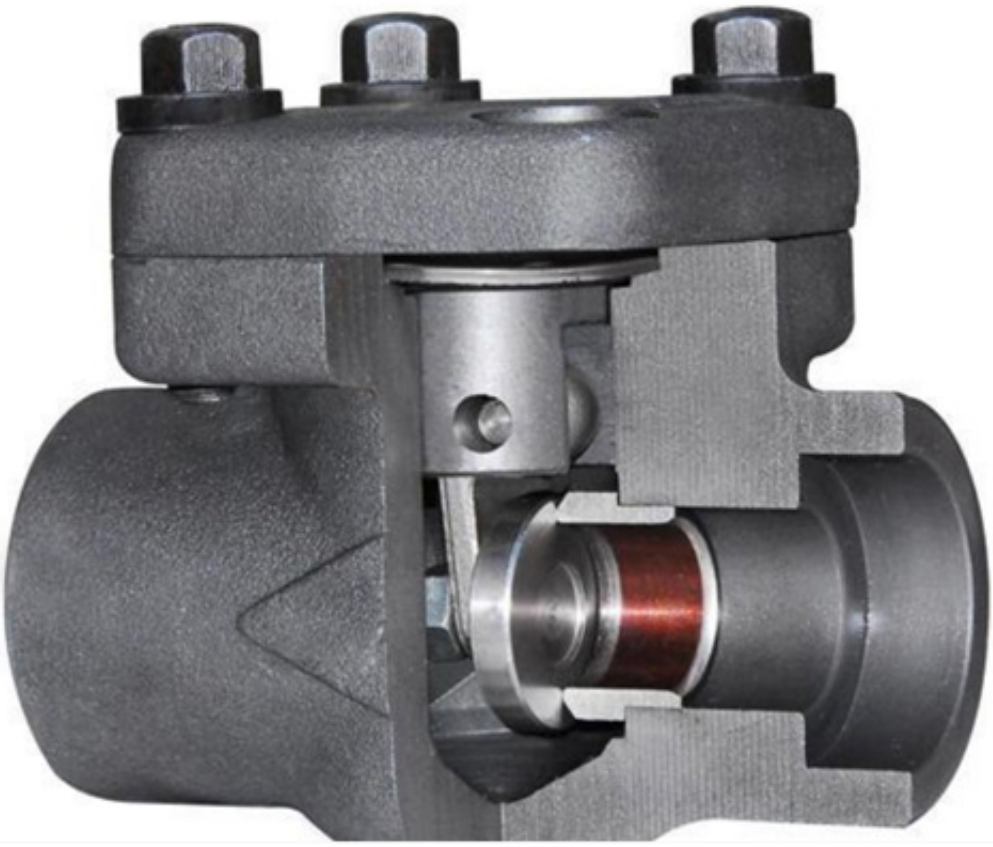

Van một chiều thép rèn class 1500

Giá bán: Liên hệ

Swing check valve 800LB?900LB?1500LB Standard Material Specification

NO.	Part Name	CS to ASTM	AS to ASTM	SS to ASTM	
		Type A105	Type F22	Type F304(L)	Type F316(L)
1	Body	A105	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
2	Seat	A276 410	A276 304	A276 304(L)	A276 316(L)
3	Swing Disc	A276 420	A276 304	A276 304(L)	A276 316(L)
4	Nut	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
5	Hinge	A105	A182 F22	A182 F304L	A182 F316(L)
6	Gasket	Corrugated SS+Graphite		SS+PTFE	
7	Bonnet	A105	A182 F22	A182 F304L	A182 F316(L)
8	Bolt	A193 B7	A193 B16	A193 B8M	A193 B8M
9	Pin	A276 420		A182 F304	A182 F316
Suitable Medium		W.O.G.etc	W.O.G.etc	HNO 3 ,CH 3 OOH etc	
Suitable Temperature		-29℃?425℃	-29℃?550℃	-29℃?180℃	

Note: Other materials are available upon request. CS=Carbon Steel; AS=Alloy Steel; SS=Stainless Steel.
Dimension (mm) and Weight (Kg)

NPS		3/8"	1/2"	3/4"	1"	11/4"	1/2"	2"
L	800Lb	79	79	92	111	120	120	140

	900Lb□1500Lb	92	111	111	120	120	140	178
H	800Lb	61	61	78	84	101	120	133
	900Lb□1500Lb	79	79	79	97	105	120	140
Weight	800Lb	1.1	1.0	1.9	3.9	4.5	7.3	10.0
	900Lb□1500Lb	3.1	3.0	3.6	4.3	6.1	8.8	12.6

Sản phẩm khác



Van cổng inox 304 nối hàn

Xem thêm Van cổng inox 304 nối hàn

Van cửa inox 304 nối hàn A182

Xem thêm Van cửa inox 304 nối hàn A182

Van cầu hơi inox a182

Xem thêm Van cầu hơi inox a182



Van cổng hàn lồng A105

Xem thêm Van cổng hàn lồng A105



Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Xem thêm Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150

Xem thêm Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150